



Phụ lục I

CÁC QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP

ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

1. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.
2. Quyết định số 576/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.
3. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
4. Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.
5. Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
6. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
7. Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
8. Văn bản số 296/BDTTG-CS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.
9. Các quy định của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).



Phụ lục II

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

*(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại
Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1):..... Số căn cước/căn cước công dân:

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP).*

Căn cứ quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

NGƯỜI LÀM ĐƠN (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên.



Phụ lục III

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

*(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở
giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Họ và tên:..... Số căn cước/căn cước công dân:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Mã số sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2025/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
*(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHI TRẢ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thực,
thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế)

Kính gửi:(1)

Họ và tên:..... Số căn cước/căn cước công dân:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Họ tên cha/mẹ học sinh, sinh viên:.....

Nơi thường trú (ghi đầy đủ):.....

.....
Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số
.../2025/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được
xem xét, giải quyết để được cấp bù tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí theo quy
định và chế độ hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thực, thuộc doanh nghiệp
nhà nước, tổ chức kinh tế.



Phụ lục V
GIẤY XÁC NHẬN

*(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực,
thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.....(1)

Trường:.....

Xác nhận anh/chị: Số căn cước/căn cước công dân:

Hiện là học sinh, sinh viên năm thứ Học kỳ: Năm học.....

Khoa.....Khóa.....

Hình thức đào tạo: (ghi rõ
hình thức đào tạo: chính quy, liên thông ...).

Thời gian đào tạo toàn khóa học:..... tháng *(ghi cụ thể số tháng đào
tạo của nhà trường. Chỉ áp dụng đối với trình độ cao đẳng: thời gian đào tạo
từ 2 - 3 năm, trung cấp: thời gian đào tạo từ 1 - 2 năm)*.

Kỷ luật:..... (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Mức thu học phí: đồng/tháng *(nếu thu học phí theo tín chỉ
thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế)*.

Đề nghị quý cơ quan xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí
theo quy định hiện hành.

..., ngày.... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã, phường...(nơi học sinh, sinh viên thường trú).

Phụ lục VI
DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Kèm theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp/giáo dục đại học ...

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ NĂM...

TT	Nội dung	Số đối tượng được miễn, giảm học phí	Mức thu học phí/tháng	Số tháng miễn, giảm	Tổng kinh phí tiền miễn, giảm học phí	Ghi chú
1	Sau Đại học					
	- Tiến sĩ					
	Nhóm ngành...					
	- Thạc sĩ					
	Nhóm ngành...					
2	Đại học					
	Nhóm ngành...					
	...					
3	Cao đẳng					
	Nhóm ngành...					
	...					
	Tổng cộng					

..., ngày.... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)